CÔNG TY ĐIỆN LỰC SƠN LA
PHÒNG ĐIỀU ĐỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Sơn La, ngày 04 tháng 11 năm 2026

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TUẦN 44
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH TUẦN 45

I. Thông số vận hành hệ thống :

a. Công suất sản lượng hệ thống

Thông số	A max ngày (MWh)	A min ngày (MWh)	P max ngày (MW)	P min ngày (MW)	A Tuần	A lũy kế	Sản lượng		
							Nhận HT	Nhận TĐ	Nhận ĐMT
Toàn tỉnh	3537,4	3321,4	247,6	89,5	23775,6	911246,9			
Ngành điện	3327,4	3069,3	242,4	76,6	22190,7	877496,5	15170,2	4226,0	909,2
Tuần 43/2026	3304,3	3189,4	238,9	82,9	22627,6	855305,8	14769,8	4683,5	1052,7
SST 44/43	0,7%	-3,8%	1,4%	-7,6%	-1,9%	2,6%	2,7%	-9,8%	-13,6%
Tuần 44/2025	2810,4	2624,4	243,0	66,5	19035,9	832865,2	10133,9	6624,7	501,1
SS Cùng kỳ	25,9%	26,6%	1,9%	34,6%	16,6%	5,4%	49,7%	-36,2%	0,0%

Công suất sản lượng thủy điện

HTĐ	Chiềng Ngàm		Sơ Vin		Tổng các TĐ nhỏ	
	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế	Tuần	Lũy kế
A tuần (MWh)	304,2	8933,6	30,5	6563,1	5058,2	389881,8
Pmax (MWh)	1,8		2,6		111,5	
P min (MW)	0,7		1,0		7,4	

b. Công suất sản lượng A17.47 Sơ Vin

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
43	42,1	8,1	3,9	2,7	1,0	6532,6
44	30,5	5,0	3,9	2,6	1,0	6563,1

c. Công suất sản lượng NMTĐ Chiềng Ngàm

Tuần	A tuần (MWh)	Amax (MWh)	Amin (MWh)	Pmax(MW)	Pmin(MW)	A lũy kế (MWh)
43	321,0	46,8	44,1	1,8	1,0	8629,4
44	304,2	47,4	34,2	1,8	0,7	8933,6

II. Cắt điện công tác TUẦN 44

Trong tuần thực hiện 55 công việc, trong đó cắt điện kế hoạch 20 vụ; đột xuất: 1 vụ; công tác hotline 34 vụ (34 vụ hotline theo KH; 00 vụ hotline ĐX). Chi tiết phụ lục I đính kèm. Cụ thể như sau:

- Công tác 110kV: 04 vụ.

- Cắt điện trung áp 17 vụ, cụ thể như sau:

+ Mai Sơn - Yên Châu: 01 vụ kế hoạch.

+ Mường La: 06 vụ kế hoạch.

+ Phù Yên - Bắc Yên: 02 vụ kế hoạch.

+ Sông Mã - Sốp Cộp: 01 vụ kế hoạch, 01 vụ đột xuất.

+ Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 04 vụ kế hoạch.

+ Tô Hiệu: 01 vụ kế hoạch.

+ Khách hàng: 01 vụ kế hoạch.

- Công tác hotline tại các Điện lực: 34 vụ (34 vụ hotline theo KH; 00 vụ hotline ĐX), cụ thể như sau:

+ Mai Sơn - Yên Châu: 06 vụ.

+ Mường La: 10 vụ.

+ Phù Yên - Bắc Yên: 03 vụ.

+ Thuận Châu - Quỳnh Nhai: 04 vụ.

+ Tô Hiệu: 11 vụ.

- Chuyển phương thức cấp điện: Trong tuần thực hiện 03 vụ chuyển phương thức cấp điện từ các lộ đường dây trung áp khi công tác trên lưới điện.

Đơn vị	Thời gian		ĐTC cắt điện kế hoạch		ĐTC CCĐ Sự cố			ĐTC CCĐ lưới điện phân phối		
			Saidi	Saifi	Maifi	Saidi	Saifi	Maifi	Saidi	Saifi
Công ty	Tuần	Tuần 44	17,52	0,12	0,13	1,62	0,05	0,05	1,70	-0,02
	Tháng	Thực hiện tháng 10	60,60	0,62	1,64	10,35	0,25	0,25	20,68	0,32
		KH tháng 10	172,44	3,57	2,79	28,25	0,68	0,60	54,55	2,60
		So sánh TH/KH %	35,1%	17,5%	58,8%	36,6%	36,7%	41,2%	37,9%	12,4%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Lũy kế năm	Lũy kế	869,15	6,57	27,42	252,78	3,10	1,70	145,61	1,43
		KH năm	1264,01	15,97	28,51	269,02	3,50	2,25	192,59	4,10
		So sánh TH/KH %	68,8%	41,1%	96,2%	94,0%	88,5%	75,5%	75,6%	35,0%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
Tô Hiệu	Tháng	Thực hiện tháng 10	6,61	0,04	0,35	0,00	0,00	0,08	5,03	0,02
		KH tháng	393,59	2,43	2,98	35,07	0,62	0,17	63,87	0,50

		10								
		So sánh TH/KH %	1,7%	1,7%	11,8%	0,0%	0,0%	45,5%	7,9%	4,7%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
	Lũy kế năm	Lũy kế	540,09	2,66	7,28	62,92	1,35	0,56	119,99	0,78
		KH năm	1014,17	4,11	5,77	97,99	1,52	0,66	186,27	1,30
		So sánh TH/KH %	53,3%	64,7%	126,0%	64,2%	88,8%	85,7%	64,4%	60,5%
		Đánh giá	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt

III. Lưu ý vận hành TUẦN 45

1. Công tác đảm bảo, ưu tiên cấp điện, thông báo ngừng cấp điện.

2. Công tác giảm suất sự cố và nâng cao độ tin cậy cung cấp điện.

3. Đăng kí cắt điện kế hoạch:

Phối hợp cùng các Điện lực thực hiện theo kế hoạch như sau:

- Cắt điện lưới 110kV: 0 vụ.

- Cắt điện lưới trung áp 5 vụ, Điện lực MC-VH: 01 vụ; Điện lực MS-YC: 01 vụ; Điện lực Mường La: 01 vụ; Điện lực Tô hiệu: 02 vụ:

Vệ sinh, Thi Công hotline, PD thiết bị, lắp SCV; đấu nối TBA 03 vụ: Điện lực MC-VH: 01 vụ. Điện lực SM-SC: 02 vụ;

Chi tiết tại phụ lục II đính kèm.

4. Kế hoạch huy động thủy điện nhỏ thuộc quyền điều khiển

Thủy điện	Sản lượng tuần (MWh)	Pmax (MW)	Pmin (MW)
Chiềng Ngàm	116,7	1,8	0,3
A17.7	330,0	13,2	0,0
A17.8	216,0	1,5	1,5
A17.9	100,8	0,7	0,7
A17.17	72,0	0,5	0,5
A17.18	357,8	8,0	0,0
A17.19	0,0	0,0	0,0
A17.20	322,5	12,9	0,0
A17.26	345,0	10,0	0,0
A17.32	518,4	3,6	3,6
A17.40	312,0	4,0	2,0
A17.42	216,0	1,5	1,5
A17.43	427,2	7,2	0,0
A17.47	40,2	1,4	0,0
A17.48	411,0	11,0	0,0
A17.49	78,0	2,4	0,0
A17.51	56,0	1,0	0,0

A17.53	300,0	5,0	0,0
A17.54	420,0	5,0	0,0
A17.59	330,0	13,2	0,0
A17.61	864,0	6,0	6,0
A17.64	126,0	1,5	0,0
Tổng	**5959,6**	**111,4**	**16,1**

IV. THÔNG SỐ VẬN HÀNH ĐƯỜNG DÂY VÀ PHÂN ĐOẠN

1. Thông số các xuất tuyến

STT	**TRẠM**	**Đ/D**	**P(MW) (Có thủy điện)**		**P(MW) (Phụ tải thực tế)**		**Q** (Mvar)	
			Max	Min	Max	Min	Max	Min
1	E17.1	372	3,8	1,2	5,2	1,2	0,1	-0,5
		374	3,7	-0,9	7,9	2,1	0,0	-1,1
		376	3,8	1,2	6,8	1,3	0,2	-0,5
		472	3,1	0,5	6,4	2,5	-0,4	-1,0
		474			5,8	1,9	0,5	-0,2
		476			6,5	1,7	0,6	-0,5
		478			4,4	1,8	0,3	-0,4
		471			5,4	1,6	0,4	-0,1
		473			2,5	0,7	0,0	-0,1
2	E17.2	371			1,8	0,6	0,4	-0,2
		373			13,4	1,4	1,2	-0,8
		374			3,8	1,2	0,0	-0,2
		376			0,7	0,0	0,0	0,0
		378			6,4	1,9	1,5	-0,4
		471			2,4	0,7	0,0	-0,3
		473	4,7	1,4	6,2	1,4	0,0	0,0
		474			1,7	0,7	0,0	-0,1
		476			5,0	1,7	0,0	0,0
		478			1,7	-3,0	0,4	0,4
3	E17.3	371	1,8	-11,4	4,6	1,2	1,3	-0,5
		375	3,9	-5,6	7,1	1,2	0,2	-0,4
		377			3,0	0,9	0,3	0,0
		379	3,0	-4,8			-0,2	-0,5
		381	1,3	0,5			-0,4	-0,6
		373	0,0	0,0			0,0	0,0
		376	0,0	0,0			0,0	0,0
		378	0,0	0,0			0,0	0,0
		673			0,1	0,0	0,0	0,0
4	E17.4	371	-0,2	-3,2	3,3	0,7	-0,6	-1,3
		373			6,3	2,3	0,0	-0,4
		375	8,6	1,7	10,4	3,5	0,8	-0,7

		377			2,5	1,1	-0,1	0,0
5	E17.5	371			3,3	3,3	0,3	-0,5
		373	7,4	2,8	9,1	3,4	0,0	-1,0
		375			8	3	0,7	-0,4
		471			2,8	1,1	0,2	0,0
		472			1,6	0,5	0,2	0,1
		372	0,0	0,0			0,0	0,0
6	E17.30	371			7,2	1,7	-0,3	-1,0
		373	4,6	-1,1	11,0	3,9	0,3	-0,8
		375	5,4	0,0	9,3	2,8	0,8	-0,4
7	E17.62	371			2,1	0,4	0,1	-0,1
		373			5,7	0,2	1,2	-0,4
		375			13,9	5,1	1,9	0,0
		471			1,8	0,2		
		473			1,3	0,3		
8	E17.66	371			7,7	2,3	1,0	-0,1
		373			4,3	-1,7	0,5	-0,4
		375			0,6	0,2	-0,1	-0,2
9	E17.67	371			0,6	0,0	0,0	-0,1
		373			5,3	1,5	0,3	-0,4
		471			0,6	0,0	0,1	0,0
		473			2,2	0,7	0,0	-0,1
		475			2,3	0,8	0,0	-0,1
		477			3,0	1,1	-0,1	-0,2

2. Các trạm cắt phân đoạn.

STT	TRẠM	PHÂN ĐOẠN	Giờ cao điểm			Giờ bình thường			Giờ thấp điểm		
			P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ	P (KW)	Q (kvar)	Cosφ
1	E17.1 Mộc Châu	372/92 Chiềng Ve	1270	2	0,98	704	-53	0,96	371	-80	0,97
		372/104 Bản Chiềng Ve	539	-52	0,95	295	-74	0,95	128	-58	0,93
		372/104 Tân Xuân	517	-70	0,97	319	-55	0,97	182	-55	0,98
		374/63 Phú Khoa	1615	-60	0,97	1012	-72	0,96	499	-74	0,96
		374/15A Chiềng Khoa	4022	44	0,97	2285	-109	0,96	1436	-158	0,95
		374/8 Bản Dạo	820	-95	0,97	576	-71	0,95	238	-81	0,96
		374/115 Co Súc	869	-73	0,97	563	-104	0,94	317	-84	0,95
		374/9 Mường Tè	828	-122	0,96	509	-61	0,95	321	-100	0,98
		471/105 Tiểu Khu 9	1102	-128	0,97	661	-40	0,96	274	-72	0,96

		472/91 Lóng Luông	1213	-68	0,98	683	-84	0,97	429	-63	0,96
		472/5 Bản Bon	618	-95	0,97	414	-65	0,96	161	-98	0,96
		473/106 Hang Dơi	1665	-99	0,97	998	-66	0,97	601	-50	0,96
		476/76B Pa Khen	2901	-98	0,97	2059	-80	0,95	943	-126	0,96
		478/3C TK 19/8	2299	-102	0,96	1802	-87	0,97	922	-128	0,97
2	E17.2 Sơn La	378/40 NBMS	3945	126	0,97	3285	162	0,96	2329	104	0,95
		378/43/8 Bản Thẳm	271	-57	0,96	200	-74	0,95	136	-77	0,98
		382/30 NBMS	7843	-62	0,95	5420	-107	0,97	3253	-152	0,96
		382/52/47 Nà Tre	1828	-135	0,97	1158	-102	0,96	801	-146	0,97
		382/3 Hin Đón	503	-113	0,90	356	-49	0,85	182	-132	0,65
		382/3 Nà Ớt	1090	-110	0,97	776	-72	0,95	412	-87	0,95
		471/111 Tiểu Khu 1	1296	-70	0,96	1255	-77	0,98	750	-86	0,95
3	E17.3 Mường La	371/2 Bản Tìn	-6184	219	0,95	-6296	260	0,94	-986	98	0,95
		371/77 Bản Nong	1083	-70	0,98	818	-66	0,96	735	-96	0,97
		371/140 Noong Quang	464	-123	0,95	296	-43	0,89	175	-42	0,84
		375/10 Bản Búng	430	-38	0,93	268	-63	0,75	161	-59	0,95
		375/106/35 Bản Sang	1199	-164	0,96	835	-83	0,96	480	-74	0,95
		375/157 Bản Hụn	859	-118	0,98	599	-76	0,96	403	-83	0,96
		375/184 Sao Va	481	-43	0,88	368	-52	0,85	156	-51	0,86
		375/3 Huổi Phày	883	-121	0,96	668	-88	0,98	490	-132	0,92
		378/165 Pắc Ngà	631	-90	0,96	435	-139	0,94	240	-126	0,91
		377/28 Hua Nậm	1666	-91	0,95	989	-59	0,96	798	-139	0,98
		377/103 Bản Kẻ	860	-54	0,94	612	-40	0,95	388	-64	0,97
		377/60 Hua Ít	1245	-25	0,98	974	-24	0,97	667	-43	0,96
		377/2 Huổi	801	-70	0,96	535	-91	0,97	357	-112	0,96

		Phăng									
4	E17.4 Thuận Châu	371/6 Bản Hôm	522	-78	0,96	357	-103	0,94	164	-98	0,95
		371/97 Hua Ty	2017	-99	0,95	1170	-76	0,96	1004	-70	0,98
		371/126 Nong Vai	1214	-96	0,96	896	-97	0,98	702	-109	0,97
		371/31 Co Mạ	591	-82	0,94	392	-112	0,96	225	-138	0,96
		371/10 Pha Khuông	493	-83	0,97	323	-117	0,91	157	-97	0,97
		373/3 Bình Thuận	510	-107	0,97	352	-123	0,94	169	-115	0,9
		373/142 Pha Lao	1944	-141	0,97	1307	-58	0,95	636	-96	0,94
		375/64 Ba Nhất	1070	-121	0,96	741	-72	0,97	510	-76	0,94
		375/124 Bản lào	4849	-140	0,96	3711	-127	0,94	1770	-147	0,93
		375/285 Bản Đông	2633	-173	0,96	2024	-85	0,97	1234	-135	0,96
		375/5 Bản Ca	935	-153	0,96	566	-58	0,97	387	-133	0,95
		375/381 Phiêng Lanh	1910	-56	0,96	1337	-85	0,95	861	-133	0,94
		375/480 Bản Cút	893	-158	0,95	560	-153	0,88	304	-180	0,91
		375/4 Co Líu	492	-91	0,77	309	-118	0,72	202	-101	0,71
		375/4 Hua Cẩu	620	-107	0,94	448	-134	0,84	360	-63	0,85
5	E17.5 Phù Yên	371/1 Bản Pa Liên Lạc	2992	-158	0,97	2491	-118	0,96	1902	-121	0,96
		371/128 Suối Nhào	559	-42	0,95	351	-50	0,91	281	-141	0,88
		371/406 Bản Nhèm	480	-62	0,94	320	-88	0,82	207	-99	0,72
		371/1 Đồng Mã	446	-128	0,94	277	-49	0,84	192	-34	0,75
		373/101 Bản Mòn	4875	-190	0,96	4040	-110	0,95	2910	-205	0,96
		373/2 Tiểu Khu 1	438	-115	0,97	356	-72	0,87	231	-76	0,62
		373/107 Xím Vàng	491	-75	0,81	347	-6	0,94	172	-77	0,73
		373/1 Háng Đồng	363	-119	0,92	251	-43	0,81	179	-127	0,55
		373/255 Bản Khoa	821	-65	0,97	510	-50	0,93	303	-95	0,94

		373/221 Suối Song	651	-86	0,94	380	-109	0,82	223	-93	0,8
		373/8 Tiểu Khu 2	1502	-136	0,98	1148	-44	0,96	688	-52	0,96
		373/7 Tà Đò	558	-86	0,92	437	-101	0,78	279	-83	0,71
		375/124 Bản Ban	2123	-46	0,96	1442	-57	0,97	896	-73	0,96
		375/9 Bơm Nước	583	-48	0,94	354	-86	0,94	301	-67	0,92
		375/453/6 Bản Cải	2147	-81	0,97	1600	-99	0,94	843	-79	0,96
		375/391 Mường Do	1416	-159	0,97	907	-133	0,94	507	-90	0,85
6	E17.30 Sông Mã	371/122 Sổm Pói	1368	-101	0,97	777	-97	0,92	421	-169	0,84
		371/53/167A Mường Lạn	584	-130	0,96	323	-78	0,93	155	-82	0,61
		371/159 Bản Bánh	559	-98	0,89	305	-132	0,7	167	-64	0,55
		371/5 Bản Khá	513	-49	0,91	306	-89	0,88	188	-82	0,62
		373/4 Bang Búng	451	-140	0,93	308	-72	0,82	245	-71	0,61
		373/108 Nà Nghịu	4255	-170	0,96	3996	-151	0,95	2901	-112	0,96
		373/2 Phiêng Đồn	2659	-160	0,98	2224	-149	0,97	1673	-119	0,95
		373/1 Bản Nấu	615	-131	0,97	416	-153	0,93	302	-160	0,91
		373/67 Mường Lầm	1281	-144	0,95	783	-144	0,95	538	-125	0,88
		375/152 Bản Nhạp	4311	-170	0,96	3436	-136	0,97	2857	-140	0,95
		375/289 Bản Pục	871	-94	0,95	593	-136	0,94	206	-99	0,79
7	E17.62 Mai Sơn	373/77/6 Tinh Bột Sắn	1718	-108	0,98	1290	-69	0,95	789	-157	0,96
		375/104/8 Bản Lếch	8482	-106	0,98	5318	-31	0,96	3354	-92	0,97
		375/115/3 Cò Nòi	2248	-143	0,97	1466	-112	0,95	644	-123	0,95
		375/8/21 Nà Bó	1464	-125	0,97	787	-141	0,96	500	-79	0,95
		375/8/165 Pắc Ngà	627	-88	0,96	389	-27	0,93	220	-25	0,95
8	E17.66 Yên Châu	373/5 Tô Buông	577	-135	0,96	375	-54	0,92	181	-53	0,83
		373/107 Tà	2726	-199	0,97	2026	-60	0,96	1281	-146	0,95

		Làng 1									
		373/3 Hát Sét	492	-87	0,89	268	-96	0,70	192	-83	0,68
		371/4 Ban Đán	1657	-174	0,97	1029	-115	0,94	633	-119	0,93
9	E17.67 Sơn La 2	373/68 Phiêng Tam	2326	-123	0,96	1621	-121	0,98	1143	-120	0,95
		373/35/3 Chiềng Cọ	718	-77	0,98	601	-97	0,93	382	-89	0,95
		373/35/3 Chiềng Đen	1142	-126	0,98	918	-134	0,97	602	-78	0,96

Phụ lục I
CHI TIẾT CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 44

STT	Công tác	Giờ dự kiến		Giờ thực hiện		Ngày bắt đầu	Đơn vị	Nội dung	Ghi chú
		Bắt đầu	Kết Thúc	Bắt đầu	Kết Thúc				
1	Tách Đ/d PĐ 375/86/3 Huổi Phày từ DCL 375-7/38/1 Bó Cốp ÷ TBA Thẳm Súm	6:00	17:00	6:12	16:58	26/10/26	Mường La	PV ĐL Mường La Cải tạo đ/d trung thế 2 pha lên 3 pha từ VT 86/38/31 ÷ VT 86/38/31/5 (Thay MBA 2 pha bằng MBA 3 pha - TBA Pá Tong); Thay CSV đầu các TBA Bó Cốp (VT 86/38/19/3), Thẳm Súm (VT 86/38/41)	KH
2	Đ/d 375 E17.3 ÷ MC 375/108 Mường Bú	7:15	9:00	7:45	8:41	26/10/26	Mường La	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 106/6/2 ÷ 106/6/6 và các TBA Phiêng Bủng, Phiêng Bủng	Hotline
3	Đ/d PĐ 371/1 Bản Pa Liên Lạc → MC 375/222 Nà Xe (Khóa F79 MC 371/1 Bản Pa LL)	7:25	11:30	10:14	14:02	26/10/26	Phù Yên	Thi công hotline: Câu đấu TBA Suối Tre 180kVA (MXD) tại VT 61/172 Đ/d 371 E17.5. (DA Nâng cao Năng lực vận hành năm 2026)	Hotline
4	Tách Đ/d PĐ 373/255 Bản Khoa từ CDPT 373-7/281 Bản Pót → DCL 375-7/154/60 Đèo Chẹn	7:30	11:30	8:13	13:57	26/10/26	Phù Yên	Thay 8 quả sứ đứng, 11 bát sứ thủy tinh, 06 quả CSV không đảm bảo vận hành Từ VT 283 ÷ VT 339A:	KH
5	Tách Đ/d 373 E17.4 Thuận Châu - DCL 375-7/7/1 Chiềng Ly - DCL 373-7/29 Nà Ta.	7:35	14:30	7:30	14:37	26/10/26	Thuận Châu	Thay xà, sứ, căng dây từ VT 7 đến VT 7/3. Kết hợp VSCN từ VT 03 đến VT 28	KH
6	Đ/d 478 E17.2 Sơn La đến MC 478/72 Ka láp đến TBA Green vision (Khóa F79 MC 478 E17.2 Sơn La)	8:00	11:30	8:03	11:32	26/10/26	Tô Hiệu	Vệ sinh Cách điện hotline: Từ VT 114A/1 đến VT 121 và tại TBA Đông Pao.	Hotline
7	Đ/d PĐ 375/86/3 Huổi	9:30	15:00	9:21	15:20	26/10/26	Mường	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT	Hotline

	Phày ÷ MC 375/129 Bản Pàn (Khóa F79 MC 375/86/3 Huổi Phày)						La	86/68 ÷ 86/68/12; VT 86/69 và các TBA Bản Nong 3, Bản Nong, Tà Lừ, TBA Bản Pặt, TBA Nà Nhụng, Co Trai, Bản Kham	
8	Đ/d 371E17.5 Phù Yên - MC 375/222 Nà Xe	13:30	17:30	16:05	19:00	26/10/26	Phù Yên	Thi công hotline: Câu đấu TBA Vạn 3 180kVA (MXD) tại VT 114 Đ/d 371 E17.5. (DA Nâng cao Năng lực vận hành năm 2026)	Hotline
9	Khóa F79 đ/d 474 E17.2 Sơn La đến LBS 474-7/77 Đăng Kiểm.	14:00	17:00	14:35	17:45	26/10/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu Vệ sinh Cách điện hotline: Từ VT 70 ÷ 76 và TBA Đường Đôi (VT 70).	Hotline
10	Khóa F79 đ/d PĐ 375/81/2 Bản Chang ÷ TBA Pá Hồng	15:30	17:30	15:20	16:22	26/10/26	Mường La	Vệ sinh cách điện hotline: Tại VT 86/81/3 và TBA Huổi Hiểu	Hotline
11	Tách Đ/d PĐ 375/81/2 Bản Chang từ VT tách lèo 86/81/7 nhánh rẽ đi TBA Huổi Má	6:00	17:00	6:45	18:12	27/10/26	Mường La	Tách lèo VT 86/81/7 nhánh rẽ đi TBA Huổi Má, PV Cải tạo đ/d trung thế và MBA 2 pha lên 3 pha từ VT 86/81/7/1 ÷ VT 86/81/7/13 (Thay MBA 2 pha bằng 3 pha - TBA Huổi Má)	KH
12	Khóa F79 Đ/d 375 E17.3 ÷ MC 375/108 Mường Bú	7:15	9:00	7:51	8:54	27/10/26	Mường La	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 13 ÷ VT 26 và TBA Pá Chiến, Ban QLDA, Hoa Ban 1	Hotline
13	Tách đ/d 375E17.30 từ CDPT 375-7/70/1 VF Lê Hồng Phong đến TBA VF Lê Hồng Phong	7:30	9:30	8:07	9:18	27/10/26	Sông Mã	Thay định kỳ công tơ đầu nguồn TBA VF Lê Hồng Phong	KH
14	Khoa F79 Đ/d 376 E17.2 Sơn La đến TBA Kho Dự Trữ Q. Gia.	8:00	11:30	8:35	10:47	27/10/26	Tô Hiệu	Vệ sinh Cách điện hotline: Từ VT 9/4 đến VT 9/8 và TBA Sơn Hưng Trung 1 (VT 9/7), TBA Sơn Hưng Trung 2 (VT 9/8).	Hotline
15	Khóa F79 Đ/d PĐ 375/124 Bản Ban → MC 375/222 Nà Xe	8:30	11:30	8:06	9:50	27/10/26	Phù Yên	Thi công hotline: Câu đấu Đ/d cấp điện TBA Bê tông Phù Yên 400kVA (MXD) tại VT 127/8. (DA năm	Hotline

								2026) (không đóng điện VH)	
16	Khóa F79 Đ/d PĐ 375/10 Bản Búng ÷ TBA Tà Lành	9:30	17:30	9:52	16:47	27/10/26	Mường La	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 62/79/2 ÷ 62/79/6, VT 62/79/8 và các TBA Bản Bắc 1, TBA Bản Bắc, Hát Hay, Tà Lành, Huổi Pù	Hotline
17	Tách Đ/d PĐ 377/28 Hua Nặm từ VT 33/64/16 nhánh rẽ đi TBA Hua Piệng.	6:00	17:00	6:37	19:07	28/10/26	Mường La	ĐL Mường La Tách lèo tại VT 33/64/16 nhánh rẽ đi TBA Hua Piệng PV: Cải tạo đ/d trung thế từ 2 pha lên 3 pha từ VT 33/64/17 ÷ 33/64/35 (Thay MBA 2 pha bằng MBA 3 pha-TBA Hua Piệng)	KH
17	Khóa F79 Đ/d PĐ 375/86/3 Huổi Phày ÷ MC 375/129 Bản Pàn	7:15	9:00	7:31	9:00	28/10/26	Mường La	Vệ sinh cách điện hotline: tại các TBA TK 2.2, Bản Cứp, Nong Buôi Nà Nhụng, Co Trai, Bản Kham	Hotline
19	Khóa F79 Đ/d 474 E17.2 Sơn La đến LBS 474-7/77 Đăng Kiểm.	8:00	11:30	8:58	10:45	28/10/26	Tô Hiệu	Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 41 ÷ VT 50 và TBA Bản Cang (VT 47).	Hotline
20	Khóa F79 Đ/d PĐ 375/81/2 Bản Chang ÷ TBA Pá Hồng	9:30	11:30	9:03	10:39	28/10/26	Mường La	Vệ sinh cách điện hotline: Tại các VT 86/81/14, 86/81/21 và các TBA Bản Hin, Bản Hồng, Huổi Sản	Hotline
21	Khôi phục đ/d 371 E17.4 Thuận Châu từ DCL 371-7/27/1 CA Thuận Châu - TBA CA Thuận Châu	9:35	10:00	16:16	16:30	28/10/26	Thuận Châu	Sau khi khách hàng XLSC đầu cáp TBA CA Thuận Châu xong (sự cố ngày 15/8/2026)	KH
22	Đ/d 471 E17.2 Sơn La đến MC 471/111 TK I.	14:00	17:30	14:14	16:45	28/10/26	Tô Hiệu	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 101 đến VT 109 đến 109/4 và các TBA: Huổi Hin 1, Huổi Hin 2.	Hotline
23	Khóa F79 Đ/d PĐ 375/64 Ba Nhất - TBA Pá Ỏ	7:30	11:30	8:47	11:22	28/10/26	Thuận Châu	Thi công hotline: lắp xà, sứ, căng dây lấy độ võng. Đấu nối cấp điện cho Đ/d và TBA TĐC Bản Tăng tại VT 64/58/4 mới xây dựng (Không đóng điện vào TBA)	Hotline
24	Tách MBAT1, MBA tự dùng TD31, Tách thanh cái	5:00	16:00	4:59	19:07	29/10/26	XNLĐCT	Tách MBAT1, MBA tự dùng TD31, Tách thanh cái C31, ngăn lộ 331,	KH

	C31, ngăn lộ 331, 371, 373, 375, 377, 383, 385, 312, TUC31 Trạm E17.3 Mường La							371, 373, 375, 377, 383, 385, 312, TUC31 Trạm E17.3 Mường La	
25	Tách Đ/d 373 E17.5 Từ DCL 373-1/97/1 Bản Mòn → Trạm Tăng áp TĐ Suối Sập 3	6:30	12:30	6:25	10:19	29/10/26	Phù Yên	Thay 6 quả sứ đứng, 4 bát sứ thủy tinh, tháo ống bọc cách điện không đảm bảo vận hành Từ VT 97/2 ÷ VT 97/10; VT 97/36/1 ÷ VT 97/36/10	KH
26	Tách đ/d PĐ 377/103 Bản Kẻ từ sau DCL 377-1/159/2 Bản Phày ÷ TBA Phiêng Cứu 2.	6:00	17:00	7:18	18:10	29/10/26	Mường La	ĐL Mường La Tách lèo tại VT 33/159/8 nhánh rẽ đi TBA Phiêng Cứu 2 PV: Cải tạo đ/d trung thế 2 pha lên 3 pha từ VT 33/159/9 ÷ VT 33/159/30 ÷ (Thay MBA 2 pha bằng MBA 3 pha - TBA Phiêng Cứu 2).	KH
27	Khóa F79 đ/d 474 E17.2 Sơn La đến LBS 474-7/77 Đăng Kiểm.	8:00	11:00	7:54	10:35	29/10/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu Vệ sinh cách điện hotline: từ VT 51÷VT 60 và TBA Bản Cang 3 (VT 53).	Hotline
28	Khóa F79 đ/d PĐ 375/5 Bản Ca - Bản Cà - Huổi Nụ.	7:30	11:30	8:34	12:45	29/10/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu thi công hotline đấu nối mạch vòng tại VT 269/57/47	Hotline
29	Khóa F79 đ/d PĐ 375/184 Sao Và - TBA Huổi Tát.	7:30	11:30	8:43	12:45	29/10/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu Thi công Hotline: Lắp sứ và phụ kiện. Đấu nối cấp điện cho Đ/d mạch vòng (MXD) vào Đ/d đang vận hành. Tại TBA Bản Hiên (VT 106/199/7/33).	Hotline
30	Khóa F79 đ/d 371/77 Bản Nong - VT tách lèo 01	7:30	11:30	10:20	11:50	29/10/26	Mường La	ĐL Mường La Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 01 ÷ VT 04, và từ VT 16 ÷ VT 20 và các TBA Bản Lâm, Bản Chiến, Bản Luồng, Bản Nong.	Hotline
31	Khóa F79 đ/d PĐ 371/140 Nong Quang ÷ MC 371/77 Bản Nong.	13:30	17:30	11:50	15:13	29/10/26	Mường La	ĐL Mường La Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 81÷ 86, các VT 78/2, VT 91, VT 92, VT 97, VT 102, VT 111, VT 112, VT 121, VT 122, VT 123, VT 125/31 và các TBA Nong	Hotline

								Luồng, Nong Lưng 1, Bản Chông, Bản Pia 1, Pá Pia, Huổi Lay.	
32	Khóa F79 đ/d PĐ 375/157 Bản Hụn - TBA Huổi Tát	14:00	17:30	14:35	17:34	29/10/26	Thuận Châu	Thi công hotline tách, đấu lèo VT 106/177/13A NR TBA Phắn Cướm 2 phục vụ đấu nối đ/d mạch vòng tại đầu TBA Phắn Cướm 2	Hotline
33	Khóa F79 Đ/d 471 E17.2 Sơn La đến MC 471/111 TK I.	14:00	17:30	14:40	16:36	29/10/26	Tô Hiệu	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 109/4/2 đến VT 109/4/12 và các TBA Sang Luông, Phiêng Phát.	Hotline
34	Cô lập đ/d 174 E17.2 (Sơn La) - 172 E17.67 (Sơn La 2) và MC 172 E17.67 (Sơn La 2)	6:00	18:00	5:59	16:01	30/10/26	XNLĐCT	PV XNLĐCT CBM các thiết bị: MC 172, DCL 172-7, TU 172, TI 172. Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA ngăn lộ 172, Bảo trì bảo dưỡng thiết bị MC 172, DCL 172-7. Vệ sinh cách điện, thay chuỗi sứ phóng VT 12 và sứ vỡ VT18 đường dây	KH
35	Tách đ/d PĐ 377/2 Huổi Phăng từ DCL 377-1/282/2 Huổi Hốc ÷ TBA Huổi Hốc 2	6:30	17:30	6:48	13:05	30/10/26	Mường La	PV ĐL Mường La Cải tạo đ/d trung thế 2 pha lên 3 pha từ VT 282/13 ÷ VT 282/18 (Thay MBA 2 pha bằng MBA 3 pha - TBA Huổi Hốc 2)	KH
36	Khóa F79 PĐ 371/2 Bản Tìn ÷ TD TĐ Nậm Chiến 3	7:15	17:30	8:23	16:35	30/10/26	Mường La	Vệ sinh cách điện hotline: Tại các VT 1A/3, VT 1A/38, VT 1A/39, VT 1A/41, VT 1A/42, VT 1A/43 , VT 1A/3, VT 1A/38, VT 1A/39, VT 1A/41, VT 1A/42, VT 1A/43, Từ VT 1A/84 ÷ 1A/96; Từ VT 1A/98 ÷ 1A/108; Từ VT 1A/108/1÷ 1A/108/4 và TBA TC TĐ Nậm Chiến 3	Hotline
37	Khóa F79 lộ 373 E17.62 Mai Sơn	7:25	11:30	10:51	14:32	30/10/26	Mai Sơn	Thi công hotline; Lắp đặt xà sứ phụ kiện đấu nối TBA Bản Dăm 3 tại VT 86/71 công suất 180kVA. (Không đóng điện TBA) DA nâng cao năng lực lưới điện	Hotline

38	Khóa F79 PĐ 378/40 NB Mai Sơn	7:30	11:30	8:13	9:33	30/10/26	Mai Sơn	Thi công hotline; Lắp đặt xà sứ phụ kiện đấu nối TBA Chiềng Mung Khu Công Nghiệp tại VT 65/2 công suất 180kVA. (Không đóng điện TBA) DA nâng cao năng lực lưới điện	Hotline
39	Khóa F79 MC 474 E17.2 Sơn La	8:00	11:30	8:21	10:36	30/10/26	Tô Hiệu	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 61÷VT 69 và TBA Bản Cang 2 (VT 64/1).	Hotline
40	Tách MBA T2 trạm E17.30 Sông Mã	8:30	10:30	8:32	10:10	30/10/26	XNLĐCT	Kiểm tra, xác định nguyên nhân và xử lý các vị trí rò rỉ dầu	KH
41	Khóa F79 MC 373/77/6 Tinh Bột Sắn	13:00	17:00	16:02	18:20	30/10/26	Mai Sơn	Thi công hotline; Tách lèo 3 pha tại VT 77/23/11 phục vụ lắp đặt xà sứ phụ kiện đấu nối TBA Bản Tra 2 tại VT 77/23/12. (Đầu TBA Bản Tra) công suất 100kVA. (Không đóng điện TBA) DA nâng cao năng lực lưới điện	Hotline
42	Tách ngăn lộ 379E17.62 Mai Sơn - DCL 371-7/15/9 Bắc Quang - VT tách lèo 39 và từ sau DCL 379-7/69 Khu công Nghiệp - VT tách lèo 46	13:30	17:00	13:33	17:00	30/10/26	Mai Sơn	Tách ngăn lộ 379E17.62 Mai Sơn - DCL 371-7/15/9 Bắc Quang - VT tách lèo 39 và từ sau DCL 379-7/69 Khu công Nghiệp - VT tách lèo 46	Hotline
43	Khóa F79 378 E17.2 Sơn La	13:35	17:30	14:17	17:15	30/10/26	Tô Hiệu	Thi công Hotline ĐTXD: đấu nối TBA Nà Hạ 4 (180kVA) vào đường dây đang vận hành tại VT 102. (Sau câu đấu FCO 3 pha cắt-Phần đăng ký đóng điện do ĐLMS-YC Quản lý VH thực hiện).	Hotline
44	Khóa F79 478 E17.2 Sơn La	14:00	17:30	14:27	17:30	30/10/26	Tô Hiệu	Vệ sinh cách điện hotline: Từ VT 102 đến VT 114 và TBA Bản Phường.	Hotline
45	Tách đột xuất đ/d PĐ	15:30	17:30	16:04	17:24	30/10/26	Sông Mã	Đảo lại thứ tự Pha A và Pha B tại VT	ĐX

	371/40/2 Tà Cọ từ DCL 371-1/40/2 Tà Cọ đến DCL 371- 1/40/27 Pá Hốc							40/21, (để đảm bảo điều kiện khép vòng Đ/d 371E17.30 và Đ/d 375E17.30 Sông Mã)	
46	Tách thanh cái C11, C12, MBAT1, ngăn lộ 171 E17.67 Sơn La 2 '- Tách đường dây 171 E17.67 Sơn La 2 - 171 E17.4 Thuận Châu	6:00	18:00	5:41	16:45	31/10/26	XNLĐ CT	TNĐK, CBM các thiết bị ngăn lộ 171 (MC 171, DCL 171-7, 171-1, 131-1, 112-1, 112-2, 172-2, TUC11, TUC12, TU 171, TI 171). - Thí nghiệm định kỳ, rà soát nhị thứ, hệ thống rơ le bảo vệ, SCADA ngăn lộ 171 Bảo trì bảo dưỡng thiết bị MC 171, DCL 171-1, 171-7, 112-1, 112-2, 131-1, 131-3. - Vệ sinh công nghiệp thiết bị DCL 171-1, 131-1, 112-1, 112-2, 172-2, TUC11, TUC12 trạm E17.67 Sơn La 2.	KH
47	Tách đ/d PĐ 371/140 Nong Quang từ VT tách lèo 166/12/1 NR TBA Pá Liềng	6:00	17:00	6:23	16:53	31/10/26	Mường La	Tách lèo tại VT 166/12/1 nhánh rẽ đi TBA Pá Liềng PV: Cải tạo đ/d trung thế 2 pha lên 3 pha từ VT 166/12/2 ÷ VT 166/12/13 ÷ (Thay MBA 2 pha bằng MBA 3 pha-TBA Pá Liềng)	KH
48	Khóa F79 Đ/d 375 E17.62 Mai Sơn - LBS 371-7/148 Huổi Phù - DCL 375-7/154/60 Đèo Chẹn	7:30	17:00	7:36	15:14	31/10/26	Mai Sơn	Thi công hotline; đấu nối TBA Tiểu Khu 2A tại VT 57 (250kVA). (Không đóng điện TBA) DA nâng cao năng lực lưới điện - Thi công hotline; tách lèo VT 82 NR vào TBA Mu Kít phục vụ Dựng cột tại VT 82/4A, câu đấu TBA Tôn Thép Quý Chi công suất (320kVA). (TBA Khách hàng. Không đóng điện TBA)	Hotline
49	Khóa F79 lộ 373 E17.62	10:30	13:00	13:47	15:14	31/10/26	Mai Sơn	Thi công hotline; đấu nối TBA Chợ	Hotline

	Mai Sơn							Mai Sơn tại VT 51 Đ/d 373 E17.62 (250kVA). (Không đóng điện TBA) DA nâng cao năng lực lưới điện	
50	Tách đ/d 372 E17.5 - 371 A17.7 Suối Sập 2	7:15	16:30	7:15	11:08	1/11/26	A17.7	A17.7 TĐ Suối Sập 2 chặt cây có nguy cơ đổ vào đương dây từ VT 13 - 15.	KH
51	Tách đ/d 371 E17.67 Sơn La 2 từ CDPT 371-7/2/1 Ban Di Dân - TBA Ban Di Dân.	7:40	14:00	7:23	13:32	1/11/26	Tô Hiệu	ĐL Tô Hiệu thi công hotline tách lèo VT 31/2 phục vụ thay thế bộ đầu cáp có hiện tượng phóng điện	KH
52	Khóa F79 MC 371 E17.67 Sơn La 2	7:40	14:00	7:32	13:31	1/11/26	Tô Hiệu	Tô Hiệu thi công hotline tách lèo VT 31/2 phục vụ thay thế bộ đầu cáp có hiện tượng phóng điện	Hotline
53	Tách đ/d PĐ 375/157 Bản Hụn - TBA Huổi Tát.	7:20	13:30	7:24	13:34	1/11/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu Dựng cột, Lắp DCL VT 106/176 A, Kết hợp lắp giàn giáo, lắp bọc cách điện từ VT 106/177/13/17 - VT 106/177/13/18; VT 106/177/13A (TBA Phắn Cướm 2) VT 106/177/14 phục vụ thi công Đ/d 220 kV giao chéo	KH
54	Tách đ/d PĐ 375/106/35 Bản Sang từ VT tách lèo 106/71 nhánh rẽ TBA Lót Măn	7:30	17:30	7:30	17:58	1/11/26	Thuận Châu	ĐL Thuận Châu Tháo lèo VT 106/71 nhánh rẽ TBA Lót Măn; phục vụ: dựng 01 cột kép giữa khoảng cột VT 106/71/4 - VT 106/71/5; Thay dây dẫn từ VT 106/71/1 đến VT 106/71/5.	KH
55	Tách Đ/d 473E17.62 Mai Sơn từ sau DCL 473-7/69 Trung Tâm Giáo Dục Thường Xuyên - DCL 473-7/90 Công An PCCC.	7:35	12:35	7:35	11:59	1/11/26	Mai Sơn	ĐL Mai Sơn 'Lắp đặt 01 chụp sắt, câu đấu TBA Mường Hồng 4 tại VT 78 (180kVA). (DA Nâng cao năng lực lưới điện. Không đóng điện TBA).	KH

Phụ lục II
CHI TIẾT KẾ HOẠCH CẮT ĐIỆN TRONG TUẦN 45

STT	Đơn vị công tác	Tên thiết bị, đường dây	Thời gian dự kiến			Nội dung công việc
			Ngày	Từ giờ	Đến giờ	
1	Điện lực Mường La	Tách đ/d PĐ 375/106/35 Bản Sang từ DCL 375-7/239/5 Pá Hát 1 ÷ TBA Pá Hát 1	02/11	7.30	12.00	Lắp bọc cách điện và dựng giàn giáo tại khoảng cột VT 106/239/18 ÷ VT 106/239/19 Đ/d 375 E17.3 phục vụ thi công giao chéo đ/d 220kV Sơn La - Điện Biên
2	Điện lực MC-VH	Đ/d PĐ 476/165/14 Tân Lập - TBA Cà Đạc	05/11	07.30	11.30	Thi công Hotline: Đấu nối TBA Cà Đạc 2 tại VT 165/74. (DA TĐC)
3	Điện lực MC-VH	Đóng điện đ/d PĐ 476/165/14 Tân Lập từ DCL 476-7/74/1 Cà Đạc 2 (MXD) - TBA Cà Đạc 2	05/11	11.30	11.40	Đóng điện VH đ/d nhánh rẽ và TBA Cà Đạc 2 (MXD) tại VT 165/74.
4	Điện lực MS-YC	Đ/d PĐ 375/86 Tiểu Khu 32 - LBS 371-7/148 Huổi Phù - LBS 375-7/73/10 Phú Lương - DCL 375-7/154/60 Đèo Chẹn	06/11	7.30	15.00	Thi công hotline: tách lèo VT 155 phục vụ thay thế 03 TU/TI bị sự cố tại DCL 371-7/157 Chiềng Đông (VT 157) Đ/d 371E17.66
5	Điện lực MS-YC	Tách Đ/d 371E17.66 Yên Châu từ sau DCL 371-7/124 Thèn Luông - DCL 371-7/157 Chiềng Đông	06/11	8.30	15.00	Thay thế 03 TU/TI bị sự cố tại DCL 371-7/157 Chiềng Đông (VT 157) lộ 371E17.66
6	Điện lực MS-YC	Đ/d 371E17.66 Yên Châu - DCL 382-7/123/1 Bản Bít - LBS 375-7/70/10 Phú Lương.	06/11	8.00	13.00	Thi công hotline: tách lèo tại VT 87/104/35/22 phục vụ đảo pha tại VT 87/104/35/23 (kiểm tra điều kiện khép vòng giữa đ/d 371E17.66 Yên Châu với đ/d 373E17.2 Sơn La)
7	Điện lực Tô Hiệu	Tách PĐ đ/d 375/3 Bản Bai Từ LBS 375-1/121/51 Xi Măng đến CDPT 375-7/121/79 Noong Ỏ	07/11	6.30	17.30	thay cột BT 10m bằng cột BT 20m, Thay thế xà, sứ cách điện và bổ sung TĐ cột tại Các VT: 121/64 + 121/65 + VT 121/72/23 + VT 121/72/24A.
8	Điện lực Tô Hiệu	Tách Đ/D 373 E17.67 Sơn La 2 từ VT tách lèo 38 đến CDPT 373-7/60/1 Chiềng Đen đến DCL 373-1/68 (Phiêng Tam).	08/11	6.30	17.15	Tách lèo đ/d tại VT 38 phục vụ. ' thay cột VT 61A, 60, 60/36/24; Thay thế xà từ VT: 40÷VT 42.